**VIỆN NGHIÊN CỨU TRUYỀN THỐNG VÀ PHÁT TRIỂN**

**PHIẾU KHẢO SÁT DÀNH CHO DOANH NGHIỆP**

**(Đề tài: ĐTĐLXH.07/22)**

Để phục vụ thông tin cho đề tài nghiên cứu khoa học về *Chính sách và giải pháp phát triển nhân lực khoa học công nghệ trẻ trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam trong giai đoạn 2021-2030*, Viện Nghiên cứu Truyền thống và Phát triển mời quý Doanh nghiệp tham gia trả lời phiếu khảo sát dưới đây. Phiếu khảo sát này dành cho các tổ chức, công ty doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam. Chúng tôi rất trân trọng những ý kiến đóng góp của quý Doanh nghiệp và xin cam kết rằng nó chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học, tham vấn xây dựng chính sách và hoàn toàn được giữ bí mật.

Cách tham gia: Ông/bà điền thông tin bằng cách tích dấu ⮽ vào các phương án trả lời phù hợp hoặc ghi chi tiết câu trả lời vào chỗ trống.

Xin trân trọng sự tham gia của Ông/bà!

**Địa bàn khảo sát**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| □ 1. Tuyên Quang | □ 4. Nghệ An | □ 7. Cần Thơ |
| □ 2. Hà Nội | □ 5. Đà Nẵng | □ 8. Hồ Chí Minh |
| □ 3. Quảng Ninh | □ 6. Khánh Hoà  | □ 9. Bình Dương |

 *(Ghi cụ thể xã/phường……………………………..huyện/quận…………….…………..)*

**Người cung cấp thông tin phiếu khảo sát:**

**Điện thoại:**  **Email:**

**A. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên tổ chức doanh nghiệp**:

**2. Năm thành lập**: ……………………………………………………

**3. Người đại diện pháp luật:**

**4. Địa chỉ trụ sở chính**:

 **Điện thoại:**  **Email:**

**5. Các văn phòng đại diện** *(nếu có, ghi rõ tên văn phòng, tỉnh)***:**

**6. Đặc điểm chung của doanh nghiệp**

***6.1. Loại hình doanh nghiệp?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên | □ 1 | Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên | □ 4 |
| Doanh nghiệp tư nhân | □ 2 | Công ty hợp danh | □ 5 |
| Công ty cổ phần  | □ 3 |  |

 ***6.2. Hình thức tổ chức hoạt động của doanh nghiệp?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| DN 100 vốn nhà nước | □ 1 | DN 100% vốn nước ngoài | □ 5 |
| DN trên 50% vốn nhà nước | □ 2 | DN có trên 50% vốn nước ngoài | □ 6 |
| DN dưới 50% vốn nhà nước | □ 3 | DN có dưới 50% vốn nước ngoài | □ 7 |
| DN vốn đầu tư ngoài nhà nước | □ 4 | Khác *(ghi rõ)* ………………… | □ 8 |

***6.3. Quy mô của doanh nghiệp hiện nay?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Doanh nghiệp siêu nhỏ | □ 1 | Doanh nghiệp vừa | □ 3 |
| Doanh nghiệp nhỏ | □ 2 | Khác *(ghi rõ)* ………………… | □ 4 |

***6.4. Doanh nghiệp hiện là:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Công ty mẹ | □ 1 | Công ty độc lập | □ 3 |
| Công ty con | □ 2 | Khác *(ghi rõ)* ………………… | □ 4 |

***6.5. Doanh nghiệp tập trung vào hoạt động:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Sản xuất, cung ứng sản phẩm thị trường | □ 1 | Cả 2 nội dung  | □ 3 |
| Dịch vụ thương mại, buôn bán  | □ 2 | Khác (*ghi rõ) ………….* | □ 4 |

***6.6. Doanh nghiệp có tham gia chuỗi hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ theo hợp đồng với các doanh nghiệp lớn không:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thường xuyên | □ 1 | Hiếm khi  | □ 3 |
| Thỉnh thoảng  | □ 2 | Chưa bao giờ | □ 4 |

 ***\*Nếu có, xin vui lòng mô tả về hoạt động hợp tác với doanh nghiệp lớn:***

***6.7. Doanh nghiệp các hoạt động thương mại quốc tế không:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thường xuyên | □ 1 | Hiếm khi  | □ 3 |
| Thỉnh thoảng  | □ 2 | Chưa bao giờ | □ 4 |

***\*Nếu có, xin vui lòng mô tả về hoạt động hợp tác, thương mại quốc tế:***

**7. Vốn điều lệ của doanh nghiệp hiện nay** (*đơn vị tính: triệu đồng*):

**8. Năm cuối cùng tăng, giảm vốn điều lệ là năm** (*ghi rõ*):

**B. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT – KINH DOANH**

**9. Xin ông/bà tự giới thiệu 03 sản phẩm/dịch vụ chính mà doanh nghiệp đã thực hiện từ trước tới nay hoặc sản phẩm/dịch vụ doanh nghiệp có thế mạnh:**

Sản phẩm thứ 1,

Sản phẩm thứ 2,

Sản phẩm thứ 3,

**10. Lĩnh vực hoạt động** *(chọn tối đa 1 ngành chính và 3 ngành nghề phụ)*

*(Theo Quyết định 27/2018/QĐ-TTg về* *việc Ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngành nghề** | **Chính** | **Phụ** |
| ***Sản xuất*** | ***Kinh doanh*** | ***Sản xuất*** | ***Kinh doanh*** |
| 1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| 2. Khai khoáng |  |  |  |  |
| 3. Công nghiệp chế biến chế tạo | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| 4. Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nóng và điều hòa không khí | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| 5. Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| 6. Các ngành nghề xây dựng | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| 7. Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy và xe có động cơ khác | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| 8. Dịch vụ lưu trú và ăn uống | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| 9. Vận tải kho bãi | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| 10. Thông tin và truyền thông | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| 11. Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| 12. Hoạt động kinh doanh bất động sản | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| 13. Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| 14. Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| 15. Giáo dục và đào tạo | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| 16.Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| 17. Nghệ thuật, vui chơi và giải trí | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |
| 18. Hoạt động dịch vụ khác *(ghi rõ)*…………………..………………………………………………………… | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 |

**11. Xin ông (bà) cho biết tổng doanh thu/năm của doanh nghiệp trong 3 năm gần đây?**

*11.1. Doanh thu năm 2020*:…………….……………………..triệu đồng

*11.2. Doanh thu năm 2021*:…………….……………………..triệu đồng

*11.3. Doanh thu năm 2022*:…………….……………………..triệu đồng

**12. Xin ông (bà) cho biết số tiền nộp thuế/năm của doanh nghiệp trong 3 năm gần đây?**

*12.1. Số tiền nộp thuế của doanh nghiệp năm 2020*:…………….……triệu đồng

*12.1. Số tiền nộp thuế của doanh nghiệp năm 2021:*…………….……triệu đồng

*12.1. Số tiền nộp thuế của doanh nghiệp năm 2022*:…………….……triệu đồng

**13. Hiện doanh nghiệp có phải vay vốn để hoạt động không?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Có | □ 1 | Không (chuyển tới câu 13) | □ 2 |

 ***\*Tổng số tiền doanh nghiệp vay vốn*** *(ghi rõ)*………………...…….triệu đồng

 ***\* Doanh nghiệp có gặp áp lực trả nợ không?***

|  |  |
| --- | --- |
| Có□ 1 | Không □ 2 |

 ***\* Lãi suất thu về hàng năm của doanh nghiệp có đủ trả nợ không?***

|  |  |
| --- | --- |
| Có□ 1 | Không □ 2 |

**14. Doanh nghiệp dự định mở rộng sản xuất kinh doanh thời gian tới không?** *(có thể chọn nhiều phương án)*

| **Các dự định của doanh nghiệp** | ***Sản xuất*** | ***Kinh doanh*** |
| --- | --- | --- |
| 1. Mở rộng lĩnh vực hoạt động chính | □ 1 | □ 2 |
| 2. Mở rộng hoạt động lĩnh vực phụ | □ 1 | □ 2 |
| 3. Mở lĩnh vực hoạt động mới | □ 1 | □ 2 |
| 4. Phát triển thành doanh nghiệp lớn | □ 1 | □ 2 |
| 5. Đầu tư máy móc, thiết bị công nghệ | □ 1 | □ 2 |
| 6. Đầu tư nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ | □ 1 | □ 2 |
| 7. Đầu tư nhân lực chất lượng cao | □ 1 | □ 2 |
| 8. Đầu tư chuyển đổi số | □ 1 | □ 2 |
| 9. Mở rộng mạng lưới cung ứng nguyên liệu | □ 1 | □ 2 |
| 10. Mở rộng thị trường quốc tế | □ 1 | □ 2 |
| 11. Mở rộng thị trường nội địa | □ 1 | □ 2 |
| 12. Mở rộng hợp tác các doanh nghiệp vừa và nhỏ | □ 1 | □ 2 |
| 13. Mở rộng liên kết, hợp tác các doanh nghiệp lớn | □ 1 | □ 2 |
| 14. Mở rộng đầu tư nước ngoài | □ 1 | □ 2 |
| 15. Mở rộng đầu tư các tỉnh/thành | □ 1 | □ 2 |
| 16. Phát triển hệ thống Marketing, PR, Truyền thông | □ 1 | □ 2 |
| 17. Tham gia nhiều hơn hoạt động xã hội, nhân đạo  | □ 1 | □ 2 |
| 18. Thu hẹp, thu gọn các loại hình sản xuất, kinh doanh  | □ 1 | □ 2 |
| 19. Khác *(ghi rõ)*………………………………. | □ 1 | □ 2 |
| 20. Chưa xác định dự định, kế hoạch | □ 1 | □ 2 |

**15. Ông/bà hãy nêu triết lý kinh doanh doanh nghiệp?** *(Mô tả 1 câu ngắn gọn)*

**16. Xin ông/bà nêu những thuận lợi của doanh nghiệp mình** *(ghi rõ)*

1,

2,

3,

**17. Xin ông/bà nêu những khó khăn mà doanh nghiệp gặp phải** *(ghi rõ)*

1,

2,

3,

**C. KHOA HỌC CÔNG NGHỆ (KHCN)**

**18. Hiện nay doanh nghiệp của ông/bà có yếu tố khoa học, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh không?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Có, áp dụng thành tựu KHCN | □ 1 | Không | □ 3 |
| Có, nghiên cứu, đổi mới, sáng tạo KHCN  | □ 2 |  |

***\* Nếu không, xin vui lòng cho biết lý do vì sao:***

**Nếu không có yếu tố KHCN xin ông/ bà trả lời tiếp từ câu 19**

***18.1. Doanh nghiệp ông/bà đang áp dụng KHCN như thế nào trong hoạt động sản xuất – kinh doanh?*** *(có thể chọn nhiều phương án)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | ***Sản xuất*** | ***Kinh doanh*** |
| 1. Đầu tư/ sử dụng máy móc thiết bị
 | □ 1 | □ 2 |
| 1. Công nghệ thông tin/ chuyển đổi số
 | □ 1 | □ 2 |
| 1. Quản lý đầu vào nguyên liệu
 | □ 1 | □ 2 |
| 1. Quản lý đầu ra thị trường, bán hàng
 | □ 1 | □ 2 |
| 1. Quản lý chất lượng sản phẩm
 | □ 1 | □ 2 |
| 1. Quản lý nhân lực
 | □ 1 | □ 2 |
| 1. Xử lý môi trường, rác thải
 | □ 1 | □ 2 |
| 1. Xuất, nhập khẩu
 | □ 1 | □ 2 |
| 1. Marketing, PR, Truyền thông
 | □ 1 | □ 2 |
| 10. Khác *(ghi rõ)*…………………………………… | □ 1 | □ 2 |

***18.2.******Nguồn gốc các ứng dụng KHCN được doanh nghiệp sử dụng có từ đâu?*** *(có thể chọn nhiều phương án)*

|  |  |
| --- | --- |
| - Nhập khẩu nước ngoài | □ 1 |
| - Tự nghiên cứu, sáng chế hình thành công nghệ | □ 2 |
| - Nhận chuyển giao từ doanh nghiệp trong nước | □ 3 |
| - Lấy, mua ý tưởng cộng đồng | □ 4 |
| - Khác (ghi rõ)………………………………… | □ 5 |

***18.3. Doanh nghiệp tự đánh giá thực trạng ứng dụng KHCN của doanh nghiệp trong sản xuất - kinh doanh hiện nay?***

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương án trả lời** | **Tự đánh giá** |
| **Thấp/kém** | **Trung bình/ đạt** | **Cao/tốt** |
| 1. Đối với năng suất lao động
 | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 1. Đối với chất lượng sản phẩm
 | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 1. Đáp ứng nhu cầu khách hàng
 | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 1. Về trình độ khoa học công nghệ
 | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 1. Về trình độ, tay nghề của nhân lực
 | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 1. Về quy trình quản lý
 | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 1. Khác (xin ghi rõ)……………….
 | □ 1 | □ 2 | □ 3 |

***18.4. Doanh nghiệp hiện có sử dụng KHCN trong những hệ thống nào dưới đây?*** *(có thể chọn nhiều phương án)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phương án trả lời** | **Có** | **Không** | **Dự kiến áp dụng** |
| 1. MES - Hệ thống thực hành sản xuất | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 2. ERP – Lập kế hoạch nguồn lực | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 3. PLM - Quản lý vòng đời sản phẩm | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 4. PDM - Quản lý dữ liệu sản phẩm | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 5. PPS - Hệ thống lập kế hoạch sản xuất | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 6. PDA - Thu thập dữ liệu sản xuất | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 7. MDC - Thu thập dữ liệu máy móc | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 8. CAD - Thiết kế dựa trên dữ liệu máy tính | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 9. SCM - Quản lý chuỗi cung ứng | □ 1 | □ 2 | □ 3 |

**19. Hệ thống quản lý, phương pháp, công cụ cải tiến năng suất chất lượng doanh nghiệp đã áp dụng?** *(có thể chọn nhiều phương án)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| - Quản lý Chất lượng (ISO 9001) | □ 1 | - Quản lý rủi ro (ISO 31000)  | □ 8 |
| - Quản lý Môi trường (ISO 14001)  | □ 2 | - Quản lý Chất lượng hàn (ISO 3834)  | □ 9 |
| - Hệ thống phân tích mối nguy và KS điểm tới hạn (HACCP) | □ 3 | - Quản lý sản xuất nông nghiệp (Viet Gap/ Global Gap)  | □ 10 |
| - Quản lý An toàn thông tin (ISO 27001)  | □ 4 | - Quản lý An toàn thực phẩm (ISO 22000) | □ 11 |
| - Quản lý An toàn và SKNN(ISO 45001)  | □ 5 | - Tiêu chuẩn Thực hành sản xuất tốt (GMP)  | □ 12 |
| - Quản lý Trách nhiệm xã hội (ISO 26000)  | □ 6 | - Hệ thống quản lý khác (ghi rõ)……………………………………………………….. | □ 13 |
| - Quản lý Năng lượng (ISO 50001)  | □ 7 |

**20. Vai trò của KHCN hiện nay đối với doanh nghiệp ông/bà như thế nào?**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lĩnh vực** | ***Rất quan*** ***trọng*** | ***Quan trọng*** | ***Bình thường*** | ***Không quan trọng*** | ***Chưa nghĩ tới*** |
| 1. Sản xuất | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 | □ 5 |
| 2. Kinh doanh | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 | □ 5 |
| 3. Khác *(ghi rõ)………* | □ 1 | □ 2 | □ 3 | □ 4 | □ 5 |

***\* Ước tính Doanh nghiệp của ông/bà đầu tư bao nhiêu % kinh phí vốn đầu tư chung cho phát triển KHCN*** *(ghi rõ)…………………..….%*

**21. Doanh nghiệp ông/bà có khó khăn gì trong đầu tư phát triển KHCN?**

|  |  |
| --- | --- |
| - Thiếu vốn, chi phí nhiều | □ 1 |
| - Thiếu kinh phí đầu tư công nghệ mới | □ 2 |
| - Rủi ro vì công nghệ lỗi thời nhanh | □ 3 |
| - Đầu tư công nghệ không đủ tạo nên lợi nhuận | □ 4 |
| - Nhập công nghệ không tạo ra sản phẩm như ý | □ 5 |
| - Thiếu bộ phận nghiên cứu, phát triển | □ 6 |
| - Thiếu nhân lực, đội ngũ KHCN có chất lượng | □ 7 |
| - Thiếu tri thức quản lý KHCN | □ 8 |
| - Ý kiến khác *(ghi rõ)*……………………………… | □ 9 |

**22. Doanh nghiệp của ông/bà hiện nay có bộ phận Nghiên cứu và Phát triển (R&D -Research and Development) hay không?**

|  |  |
| --- | --- |
| Có□ 1 | Không □ 2 *(Chuyển đến phần D, câu 23)* |

***22.1. Nếu có cơ chế vận hành của bộ phận R&D như thế nào?***

***22.2.\*Đội ngũ nhân sự của bộ phận R&D của doanh nghiệp đến từ đâu?***

***22.3. Bộ phận R&D có hướng tới những vấn đề nào dưới đây không?***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | ***Có, hoạt động***  | ***Có, hiệu quả*** |
| 1. Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ | □ 1 | □ 2 |
| 2. Đổi mới quy trình sản xuất, kinh doanh | □ 1 | □ 2 |
| 3. Giảm lao động giản đơn | □ 1 | □ 2 |
| 4. Mở rộng thị trường trong nước, quốc tế | □ 1 | □ 2 |
| 5. Tăng doanh thu, lợi nhuận | □ 1 | □ 2 |
| 6. Xây dựng chiến lược phát triển bền vững DN | □ 1 | □ 2 |
| 7. Hội nhập nền sản xuất, kinh doanh hiện đại | □ 1 | □ 2 |
| 8. Xây dựng thương hiệu đặc trưng riêng DN | □ 1 | □ 2 |
| 9. Phát triển doanh nghiệp thành doanh nghiệp lớn | □ 1 | □ 2 |
| 10. Tham gia thị trường trao đổi, mua bán công nghệ | □ 1 | □ 2 |
| 11. Đa dạng hóa sản phẩm, mẫu mã sản phẩm | □ 1 | □ 2 |
| 12. Thu hút hợp tác, đầu tư | □ 1 | □ 2 |
| 13. Hinh thành Doanh nghiệp KHCN trực thuộc | □ 1 | □ 2 |
| 14. Khác *(ghi rõ)*…………………………………….. | □ 1 | □ 2 |

***22.4. Kể tên 03 dự án mà R&D đem lại hiệu quả và lợi nhuận cho doanh nghiệp?***

Dự án 1:

Dự án 2:

Dự án 3:

***22.5. Nếu các dự án nghiên cứu không hiệu quả thì nguyên nhân do đâu?***

**D. NHÂN LỰC VÀ NHÂN LỰC KHCN TRONG DOANH NGHIỆP**

**23. Xin ông (bà) cho biết thông tin nguồn về lao động của doanh nghiệp hiện nay?**

***23.1. Tổng số lao động doanh nghiệp hiện nay (tính đến 2023)?***.................. .người

 ***\*Số lao động phân bố cụ thể là:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | ***Người*** | **Đặc điểm** | ***Người*** |
| ***Học vấn*** | Số trên đại học |  | ***Giới tính*** | Số nam |  |
| Số cử nhân/kỹ sư |  | Số nữ |  |
| Số trung cấp/ cao đẳng |  | ***Vị trí*** ***việc làm*** | Số lãnh đạo doanh nghiệp |  |
| Số tốt nghiệp THPT |  | Số quản lý bộ phận |  |
| Số trình độ khác |  | Số kỹ sư, chuyên gia |  |
| ***Tuổi*** | Số 18 – 25 tuổi |  | Số công nhân kỹ thuật |  |
| Số 26 – 30 tuổi |  | Số công nhân |  |
| Số 31 – 35 tuổi |  | Số bán hàng, marketing |  |
| Số 36 -60 tuổi |  | Số văn phòng, phục vụ |  |
| Số trên 60 tuổi |  | Số cán bộ khác |  |

***\* Số lượng lao động trẻ (dưới 35 tuổi) đang làm các công việc liên quan khoa học và công nghệ ?*** *(ghi rõ)………………………………………………..người*

***23.2 Số lao động đang tham gia BHXH bình quân/năm 2023?*** *(ghi rõ)……… người*

**24. Người lao động tại doanh nghiệp được hỗ trợ như thế nào?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| - Trang thiết bị lao động | □ 1 | - Chế độ nghỉ mát | □ 9 |
| - Hợp đồng lao động, bảo hiểm | □ 2 | - Chế độ ngày lễ, tết | □ 10 |
| - Lương chính | □ 3 | - Sinh hoạt văn nghệ, thể thao | □ 11 |
| - Thu nhập tăng ca | □ 4 | - Được tham, góp ý kiến góp ý | □ 12 |
| - Thưởng vượt định mức công việc | □ 5 | - Hỗ trợ kinh phí học tập | □ 13 |
| - Thưởng sáng kiến, sáng tạo | □ 6 | - Được đào tạo, tập huấn nội bộ | □ 14 |
| - Nghỉ chế độ nghỉ phép | □ 7 | - Thăm hỏi, tặng quà gia đình  | □ 15 |
| - Nghỉ thứ 7, chủ nhật | □ 8 | - Khác *(ghi rõ)*……………...... | □ 16 |

**25. Xin ông (bà) cho biết cơ chế chính sách thu hút, tuyển dụng nhân lực KHCN trẻ mà doanh nghiệp đang áp dụng?** *(có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

|  |  |
| --- | --- |
| - Chiến lược truyền thông hấp dẫn, hiệu quả  | □ 1 |
| - Xây dựng môi trường làm việc năng động tích cực | □ 2 |
| - Cam kết hỗ trợ, bồi dưỡng đào tạo | □ 3 |
| - Chế độ đãi ngộ hấp dẫn | □ 4 |
| - Cơ chế khen thưởng, tôn vinh phù hợp | □ 5 |
| - Kết nối với trường, viện chọn nhân lực chất lượng cao | □ 6 |
| - Khác (ghi rõ)………………………………………………… | □ 7 |

***26. Hiện doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng nhân lực KHCN trẻ không?***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Lao động phổ thông** | **Lao động KHCN** |
| - Nhu cầu tuyển liên tục | □ 1 | □ 1 |
| - Nhu cầu tuyển hàng năm | □ 2 | □ 2 |
| - Không có nhu cầu | □ 3 | □ 3 |

***\* Những tiêu chí nhân lực KHCN được chú ý đến trong quá trình tuyển dụng?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| - Trình độ học vấn | □ 1 | - Sức khỏe | □ 6 |
| - Lĩnh vực chuyên môn  | □ 2 | - Đạo đức, tác phong | □ 7 |
| - Kinh nghiệm làm việc  | □ 3 | - Năng động, sáng tạo | □ 8 |
| - Kỹ năng giao tiếp | □ 4 | - Chịu khó, không ngại khổ | □ 9 |
| - Khả năng ngoại ngữ | □ 5 | - Khác *(ghi rõ)……………..* | □ 10 |

**27. Cơ chế, chính sách đào tạo nhân lực KHCN trẻ đã thực hiện trong doanh nghiệp?** *(có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| - Mở khóa đào tạo tại chỗ | □ 1 | - Hỗ trợ thời gian | □ 6 |
| - Mời chuyên gia tập huấn | □ 2 | - Liên kết đào tạo  | □ 7 |
| - Cử tham gia đào tạo chính quy | □ 3 | - Không tổ chức | □ 8 |
| - Hỗ trợ học phí | □ 4 | - Khác *(ghi rõ)……………* | □ 9 |

**28. Cơ chế chính sách thi đua, khen thưởng, đãi ngộ của doanh nghiệp đối với nhân lực KHCN trẻ?***(có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

|  |  |
| --- | --- |
| - Xây dựng hệ thống bảng lương phù hợp với vị trí công việc | □ 1 |
| - Thiết lập cơ chế tăng lương, nâng bậc lương hấp dẫn | □ 2 |
| - Khen, thưởng vật chất hiệu quả công việc cao | □ 3 |
| - Khen, thưởng tinh thần hiệu quả công việc cao | □ 3 |
| - Quy định về tiêu chuẩn, thủ tục thăng chức | □ 4  |
| - Khác (ghi rõ)…………………………………………………… | □ 5 |

**29. Ước tính mức thu nhập trung bình của lao động hiện nay là bao nhiêu?**

*29.1.* *Thu nhập trung bình 1 cán bộ* …..…………………..triệu đồng/tháng

*29.2. Thu nhập cán bộ cao nhất*:………………………….triệu đồng/tháng

*29.3. Thu nhập cán bộ thấp nhất*:…………………………triệu đồng/tháng

*29.4. Thu nhập trung bình kỹ sư trở lên:*…………………..triệu đồng/tháng

*29.6. Thu nhập trung bình công nhân kỹ thuật:*……………..triệu đồng/tháng

**30. Ông/ bà đánh giá một số biểu hiện phổ biến về nhân lực KHCN trẻ trong doanh nghiệp ông/bà?***(có thể chọn nhiều phương án)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung liên kết, hợp tác** | ***Tốt*** | ***Bình thường*** | ***Chưa tốt*** |
| 1. Yên tâm công tác, gắn bó, cống hiến | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 2. Nhiệt tình, trách nhiệm, kỷ luật | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 3. Chịu khó mày mò, sáng tạo | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 4. Ứng dụng kiến thức sách vở vào thực tiễn | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 5. Sử dụng thành thạo công nghệ | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 6. Luôn vì lợi ích tập thể, phát triển chung | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 7. Có ý chí phấn đấu vươn lên | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 8. Hội nhập quốc tế tốt  | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 9. Khác *(ghi rõ)……………………………...* | □ 1 | □ 2 | □ 3 |

**31. Xin ông (bà) cho biết tình hình liên kết, phối hợp của doanh nghiệp với tổ chức trong phát triển nhân lực KHCN trẻ** *(bỏ trống nếu không phối hợp)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung liên kết, hợp tác** | ***Trường, Viện Khoa học*** | ***Doanh nghiêp******lớn*** | ***Cơ quan Nhà nước*** |
| 1. Hợp tác nghiên cứu và phát triển | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 2. Đặt hàng khoa học phục vụ sản xuất | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 3. Huy động nguồn tài chính  | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 4. Nâng cao năng lực nhân lực KHCN trẻ | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 5. Phối hợp tuyển dụng nhân lực KHCN trẻ | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 6. Chia sẻ cơ sở hạ tầng nghiên cứu, sản xuất | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 7. Chuyển giao, ứng dụng công nghệ | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 8. Thương mại hóa tài sản trí tuệ | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 9. Cung ứng nguyên liệu cho quy trình sản xuất | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 10. Cung cấp hàng hóa, bán hàng | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 11. Cung cấp dịch vụ | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 12. Hợp tác đào tạo tập huấn | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 13. Hợp tác phát triển kinh doanh | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 14. Nội dung khác *(ghi rõ)……………………* | □ 1 | □ 2 | □ 3 |

**32. Doanh nghiệp ông/bà có những nhu cầu nào dưới đây với các trường, viện, tổ chức khoa học, công nghệ ?** *(có thể chọn nhiều phương án)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | ***Có*** | ***Không*** | ***Phân vân*** |
| 1. Cử nhân lực học, thực tập kỹ thuật tại trường, viện | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 2. Trường, viện cử chuyên gia đến hỗ trợ doanh nghiệp | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 3. Trường, viện cử chuyên gia trẻ đến thực tập | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 4. Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học từ trường, viện sang sản xuất sản phẩm doanh nghiệp | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 5. Phối hợp thử nghiệm công nghệ mới | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 6. Đặt hàng trường, viện nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất, kinh doanh | □ 1 | □ 2 | □ 3 |
| 7. Khác (ghi rõ)………………………………………… | □ 1 | □ 2 | □ 3 |

**33. Ý kiến kiến nghị của doanh nghiệp ông/bà cơ chế, chính sách về vấn đề phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam hiện nay?**

*Xin chân thành cảm ơn Quý Doanh nghiệp đã dành thời gian cung cấp thông tin !*